

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 933/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình “*Ly hôn, về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1984; cư trú: số 194/4A, khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; cư trú: ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông T kết hôn vào năm 2008, hôn nhân là **do hai bên tự tìm hiểu**, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hay cự cãi, ông T không quan tâm đến vợ con, từ khi ly thân đến nay ông T không liên lạc đề hàn gắn tình cảm cũng như thăm

nom con chung. Nay, nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Mai Thảo V, sinh ngày 01/4/2011 (hiện cháu do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà D có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Minh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 22/5/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân năm 2014, nguyên nhân do tính tình không hợp, ông T không quan tâm vợ, con. Nay, bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và yêu cầu ly hôn của bà D nhưng không có ý kiến phản hồi. Bà D xác định thời gian vợ chồng ly thân rất lâu, không tới lui thăm nhau và không còn tình cảm với ông T nên mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 01/4/2011. Hiện đang sống với bà D, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu V, yêu cầu được sống chung với mẹ và hiện cháu V đang sống chung với bà D nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu V cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà D, không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Minh T.

- Bà Võ Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 01/4/2011, đến khi trưởng thành và có khả năng lao động, ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T, ông T có nơi cư trú ấp H, xã G, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Võ Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Bà D và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà D trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, chồng không quan tâm đến gia đình, đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà D yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Bà D xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Mai Thảo V, sinh ngày 01/4/2011 (hiện do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, bà D yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu V do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ và trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà D. Do đó, để bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản: Bà D trình có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Bà D trình có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Mỹ D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112, ngày 22 tháng 5 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Mai Thảo V, sinh ngày 01/4/2011 (hiện do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng). Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Võ Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Võ Thị Mỹ D xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung

của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Võ Thị Mỹ D D và ông Nguyễn Minh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Võ Thị Mỹ D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007755 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 24/12/2019. Bà D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư